

BÁO CÁO
Kết quả khảo sát ý kiến đánh giá toàn khoá học
của sinh viên (K50) tốt nghiệp năm 2020

Nhằm nâng cao chất lượng hoạt động đào tạo, Khoa đã tiến hành khảo sát ý kiến sinh viên K50 tốt nghiệp năm 2020 về chương trình đào tạo và các hoạt động giáo dục, tổ chức đào tạo, công tác đào tạo, công tác kiểm tra, đánh giá trong toàn khóa học làm cơ sở giúp Khoa thực hiện điều chỉnh, cải tiến chương trình đào tạo. Ngoài ra, đánh giá mức độ đáp ứng về cơ sở vật chất, nguồn học liệu và các hoạt động phục vụ, hỗ trợ sinh viên trong toàn khóa học để Khoa có biện pháp khắc phục những tồn tại, nâng cao chất lượng đào tạo.

Quá trình khảo sát được thực hiện cụ thể như sau:

1. Tổ chức thực hiện

1.1. Đối tượng tham gia khảo sát

Sinh viên khoá K50, tốt nghiệp năm 2020.

1.2. Nội dung và công cụ khảo sát

Việc lấy phiếu khảo sát tập trung vào việc đánh giá mức độ hài lòng của sinh viên cuối khoá với các nội dung: Mục tiêu, chuẩn đầu ra và nội dung chương trình đào tạo (CTĐT); Hoạt động giảng dạy của giảng viên; Công tác tổ chức và quản lý đào tạo; Sinh hoạt và đời sống; Kết quả đạt được từ khoá học.

Phiếu khảo sát bao gồm 38 tiêu chí và 4 câu hỏi mở.

Các ý kiến được đánh giá theo thang điểm Likert gồm 5 mức độ:

1	2	3	4	5
Rất không đồng ý	Không đồng ý	Phân vân	Đồng ý	Rất đồng ý

Số liệu được thu thập thông qua khảo sát online và khảo sát trực tiếp tại Tổ Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục trong quá trình sinh viên lấy bằng điểm cuối khoá.

2. Kết quả ý kiến phản hồi của sinh viên

2.1. Đánh giá chung

Trong tổng số 311 sinh viên K50 tốt nghiệp hệ chính quy năm 2020, Khoa đã khảo sát được 247 ý kiến phản hồi, chiếm tỷ lệ 79.42%.

Bảng 1. Thống kê số lượng sinh viên K50 tốt nghiệp và phản hồi

Ngành	Số lượng SV tốt nghiệp	Số lượng SV phản hồi
Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	184	146
Quản trị kinh doanh	100	77
Kinh tế	27	24
Tổng	311	247

Sau khi tiến hành xử lý số liệu trên phần mềm SPSS, kết quả phản hồi của sinh viên K50 tốt nghiệp năm 2020 đối với nội dung từng tiêu chí được sắp xếp theo mức điểm trung bình từ cao đến thấp như sau:

Bảng 2. Điểm trung bình các tiêu chí sắp xếp theo thứ tự từ cao đến thấp

STT	Nội dung đánh giá	Tỷ lệ đồng ý và rất đồng ý (%)	Điểm trung bình
1	Sinh viên được khuyến khích và tạo điều kiện khi tham gia nghiên cứu khoa học	93.1	4.24
2	Các hình thức thi, kiểm tra đánh giá phù hợp với nội dung của từng môn học	91.9	4.15
3	Phát triển kỹ năng làm việc theo nhóm	91.9	4.15
4	Kiểm tra, đánh giá, kết quả học tập đảm bảo tính công bằng	88.2	4.13
5	Cán bộ các phòng ban có thái độ phục vụ sinh viên tốt	86.2	4.10
6	Giảng viên đưa ra nhiều hình thức đa dạng đánh giá kết quả học tập	88.7	4.09
7	Giảng viên có sự liên hệ giữa lý thuyết và thực tiễn	85.9	4.08
8	Các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao đáp ứng nhu cầu của sinh viên	86.7	4.07
9	Cố vấn học tập quan tâm, hợp tác, quản lý sinh viên tốt	82.5	4.06
10	Giảng viên có phương pháp truyền đạt rõ ràng, dễ hiểu	86.2	4.05

11	Phát triển kỹ năng giải quyết vấn đề, xử lý thông tin	86.6	4.05
12	Các hoạt động Đoàn, hội bổ ích và có ý nghĩa thiết thực, thu hút sinh viên tham gia	85.4	4.04
13	Cảnh quan vệ sinh môi trường	86.3	4.03
14	Phát triển kỹ năng giao tiếp	84.7	4.03
15	Thư viện có đủ tài liệu tham khảo cho hầu hết các môn học	81.0	3.99
16	Chuẩn đầu ra của CTĐT phản ánh được sứ mạng, tầm nhìn của Khoa	79.3	3.97
17	Số lượng tín chỉ đào tạo CTĐT phù hợp	79.7	3.96
18	Phương pháp và hình thức tổ chức dạy – học phù hợp với đặc thù từng môn học	81.4	3.94
19	Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời	79.3	3.94
20	Dữ liệu khoa học tại thư viện được cập nhật, dễ dàng truy cập và tra cứu	78.9	3.94
21	Giải quyết đầy đủ những chính sách xã hội của sinh viên	83.0	3.93
22	Phát triển kỹ năng tư duy, nghiên cứu, sáng tạo	81.7	3.93
23	Chuẩn đầu ra của CTĐT đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động	78.6	3.91
24	Mục tiêu và nội dung của CTĐT rõ ràng và phù hợp với yêu cầu xã hội	74.5	3.91
25	Đáp ứng được các mục tiêu đào tạo của ngành	78.9	3.88
26	Các môn học trong CTĐT đều góp phần vào việc đạt chuẩn đầu ra	72.9	3.86
27	Sinh viên được chăm sóc sức khỏe trong thời gian học tại Khoa	69.2	3.86
28	Cung cấp những kiến thức cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp	77.7	3.86
29	Thiết bị phòng học hỗ trợ việc học của sinh viên	68.0	3.83
30	Các môn học có cấu trúc, trình tự hợp lý và có sự gắn kết với nhau	72.4	3.81
31	Giúp định hướng nghề nghiệp trong tương lai	72.9	3.81
32	Sinh viên tự tin khả năng đáp ứng các yêu cầu của nghề nghiệp sau khi hoàn thành khóa học	69.2	3.81
33	Cấu trúc giữa các khối kiến thức đảm bảo sự gắn kết và liên mạch giữa các môn cơ sở và chuyên ngành	70.9	3.79
34	Thiết bị phòng thực hành hỗ trợ việc học của sinh viên	59.5	3.71

35	Số lượng môn học tự chọn của CTĐT đáp ứng mong đợi của sinh viên	61.1	3.64
36	Phát triển kỹ năng sử dụng tin học	60.4	3.62
37	Phát triển kỹ năng sử dụng ngoại ngữ	56.3	3.60
38	Tỷ lệ phân bổ giữa lý thuyết và thực hành là hợp lý	53.4	3.53

(Nguồn: Điều tra xử lý số liệu năm 2020)

Từ kết quả cho thấy, tất cả các tiêu chí có điểm trung bình từ 3.53 đến 4.24, với tỷ lệ đánh giá đồng ý và rất đồng ý từ 53.4% đến 93.1%. Trong đó, 14/38 tiêu chí có điểm trung bình trên 4. Cao nhất tiêu chí “Sinh viên được khuyến khích và tạo điều kiện khi tham gia nghiên cứu khoa học” thuộc về nhóm khảo sát “Công tác tổ chức và quản lý đào tạo”, điểm trung bình là 4.24 (tỷ lệ đánh giá đồng ý và rất đồng ý là 93.1%). Tiếp đến, hai tiêu chí “Các hình thức thi, kiểm tra đánh giá phù hợp với nội dung của từng môn học” và “Phát triển kỹ năng làm việc theo nhóm” có điểm trung bình là 4.15, với tỷ lệ đánh giá đồng ý và rất đồng ý là 91.9%.

Bốn tiêu chí thấp nhất “Số lượng môn học tự chọn của CTĐT đáp ứng mong đợi của sinh viên”, “Tỷ lệ phân bổ giữa lý thuyết và thực hành là hợp lý” thuộc về nhóm khảo sát “Cấu trúc chương trình đào tạo” với điểm trung bình là 3.64 và 3.53, chiếm tỷ lệ đồng ý và rất đồng ý là 61.1% và 53.4%. Hai tiêu chí thấp nhất còn lại là “Phát triển kỹ năng sử dụng tin học” điểm trung bình là 3.62 và “Phát triển kỹ năng sử dụng ngoại ngữ” điểm trung bình là 3.60 thuộc về nhóm khảo sát “Kết quả đạt được từ khóa học”, với tỷ lệ đánh giá đồng ý và rất đồng ý lần lượt là 60.4% và 56.3%.

2.2. Kết quả đánh giá theo từng nội dung khảo sát

2.2.1. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

Bảng 3. Kết quả đánh giá của sinh viên các ngành đối với chuẩn đầu ra của CTĐT

Nội dung đánh giá	Ngành QTDVDL&LH		Ngành Quản trị kinh doanh		Ngành Kinh tế	
	Tỷ lệ đồng ý và rất đồng ý (%)	Giá trị trung bình	Tỷ lệ đồng ý và rất đồng ý (%)	Giá trị trung bình	Tỷ lệ đồng ý và rất đồng ý (%)	Giá trị trung bình
Chuẩn đầu ra của CTĐT đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động	78.1	3.95	76.6	3.84	83.4	3.88

Các môn học trong CTĐT đều góp phần vào việc đạt chuẩn đầu ra	73.3	3.86	79.2	3.91	50.0	3.67
Mục tiêu và nội dung của CTĐT rõ ràng và phù hợp với yêu cầu xã hội	71.9	3.89	81.8	3.97	66.7	3.83
Chuẩn đầu ra của CTĐT phản ánh được sứ mạng, tầm nhìn của Khoa	78.0	3.97	85.7	4.06	66.7	3.67

(Nguồn: Điều tra xử lý số liệu năm 2020)

Từ kết quả đánh giá của các sinh viên cho thấy, các tiêu chí được sinh viên khác ngành đánh giá là khác nhau. Các tiêu chí trong nhóm chuẩn đầu ra của CTĐT ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành, ngành Quản trị kinh doanh được sinh viên đánh giá khá cao. CTĐT ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành, sinh viên đánh giá các tiêu chí có điểm trung bình từ 3.86 đến 3.97, tỷ lệ đánh giá đồng ý và rất đồng ý là 71.9% đến 78.1% . Sinh viên ngành Quản trị kinh doanh đánh giá các tiêu chí nhóm chuẩn đầu ra có điểm trung bình 3.84 đến 4.06, tỷ lệ đánh giá đồng ý và rất đồng ý là 76.6% đến 85.7%.

Riêng đối với sinh viên ngành Kinh tế, các tiêu chí trong nhóm đánh giá thấp nhất. Có hai tiêu chí “Các môn học trong CTĐT đều góp phần vào việc đạt chuẩn đầu ra” và “Chuẩn đầu ra của CTĐT phản ánh được sứ mạng, tầm nhìn của Khoa” điểm trung bình sinh viên đánh giá 3.67.

2.2.2. Cấu trúc chương trình đào tạo

Bảng 4. Kết quả đánh giá của sinh viên các ngành đối với cấu trúc chương trình đào tạo

Nội dung đánh giá	Ngành QTDVDL&LH		Ngành Quản trị kinh doanh		Ngành Kinh tế	
	Tỷ lệ đồng ý và rất đồng ý (%)	Giá trị trung bình	Tỷ lệ đồng ý và rất đồng ý (%)	Giá trị trung bình	Tỷ lệ đồng ý và rất đồng ý (%)	Giá trị trung bình
Cấu trúc giữa các khối kiến thức đảm bảo sự gắn kết và liên mạch giữa các môn cơ sở và chuyên ngành	70.5	3.78	74.0	3.81	58.3	3.75
Số lượng tín chỉ đào tạo CTĐT phù hợp	77.4	3.95	88.3	4.01	70.8	3.88
Các môn học có cấu trúc, trình tự hợp lý và	71.9	3.83	80.5	3.83	70.9	3.67

có sự gắn kết với nhau						
Số lượng môn học tự chọn của CTĐT đáp ứng mong đợi của sinh viên	60.3	3.68	61.0	3.56	66.7	3.67
Tỷ lệ phân bổ giữa lý thuyết và thực hành là hợp lý	46.6	3.38	65.0	3.75	58.3	3.71

(Nguồn: Điều tra xử lý số liệu năm 2020)

Cấu trúc chương trình đào tạo của 3 ngành được chia thành 4 khối kiến thức giống nhau: giáo dục đại cương (36 tín chỉ), giáo dục chuyên nghiệp (73 tín chỉ), thực tập (4 tín chỉ) và khoá luận tốt nghiệp (7 tín chỉ).

Đánh giá về cấu trúc chương trình đào tạo, sinh viên 3 ngành có ý kiến đánh giá khác nhau. Đối với chương trình đào tạo ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành, hai tiêu chí “Số lượng môn học tự chọn của CTĐT đáp ứng mong đợi của sinh viên” và “Tỷ lệ phân bổ giữa lý thuyết và thực hành là hợp lý” sinh viên đánh giá thấp nhất điểm trung bình lần lượt là 3.68 và 3.38, tương ứng tỷ lệ đánh giá đồng ý và rất đồng ý lần lượt là 60.3% và 46.6%.

Đối với chương trình đào tạo ngành Quản trị kinh doanh và ngành Kinh tế, sinh viên cho rằng “Số lượng môn học tự chọn của CTĐT đáp ứng mong đợi của sinh viên” thấp nhất trong nhóm tiêu chí, điểm trung bình cho 2 ngành lần lượt là 3.56 và 3.67, tương ứng tỷ lệ đánh giá đồng ý và rất đồng ý lần lượt là 61.0% và 66.7%.

Có một tiêu chí là “Các môn học có cấu trúc, trình tự hợp lý và có sự gắn kết với nhau”, được sinh viên ngành Kinh tế đánh giá thấp với điểm trung bình 3.67, tỷ lệ đánh giá đồng ý và rất đồng ý là 70.9%.

2.2.3. Hoạt động giảng dạy của giảng viên

Bảng 5. Kết quả đánh giá của sinh viên đối với Hoạt động giảng dạy của giảng viên

Nội dung đánh giá	Tỷ lệ đồng ý và rất đồng ý (%)	Giá trị trung bình
Phương pháp và hình thức tổ chức dạy-học phù hợp với đặc thù từng môn học	81.4	3.94
Giảng viên có phương pháp truyền đạt rõ ràng, dễ hiểu	86.2	4.05
Giảng viên có sự liên hệ giữa lý thuyết và thực tiễn	85.9	4.08
Kiểm tra, đánh giá, kết quả học tập đảm bảo tính công bằng	88.2	4.13

Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời	79.3	3.94
Giảng viên đưa ra nhiều hình thức đa dạng đánh giá kết quả học tập	88.7	4.09
Các hình thức thi, kiểm tra đánh giá phù hợp với nội dung của môn học	91.9	4.15

(Nguồn: Điều tra xử lý số liệu năm 2020)

Trong tất cả các tiêu chí của nhóm “Hoạt động giảng dạy của giảng viên” được sinh viên đánh giá rất cao. Đa phần tỷ lệ đồng ý và rất đồng ý đều trên 75% số sinh viên đánh giá. Tuy nhiên, tiêu chí “Phương pháp và hình thức tổ chức dạy – học phù hợp với đặc thù từng môn học” và “Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời để người học cải thiện việc học tập” chưa được đánh giá cao bằng các tiêu chí khác.

2.2.4. Công tác tổ chức và quản lý đào tạo

Bảng 6. Kết quả đánh giá của sinh viên đối với Công tác tổ chức và quản lý đào tạo

Nội dung đánh giá	Tỷ lệ đồng ý và rất đồng ý (%)	Giá trị trung bình
Thiết bị phòng học hỗ trợ việc học của sinh viên	68.0	3.83
Thiết bị phòng thực hành hỗ trợ việc học của sinh viên	59.5	3.71
Dữ liệu khoa học tại thư viện được cập nhật, dễ dàng truy cập và tra cứu	78.9	3.94
Thư viện có đủ tài liệu tham khảo cho hầu hết các môn học	81.0	3.99
Cố vấn học tập quan tâm, hợp tác, quản lý sinh viên tốt	82.5	4.06
Cán bộ các phòng ban có thái độ phục vụ sinh viên tốt	86.2	4.10
SV được khuyến khích và tạo điều kiện khi tham gia nghiên cứu khoa học	93.1	4.24

(Nguồn: Điều tra xử lý số liệu năm 2020)

Qua kết quả khảo sát trên, cho thấy sinh viên vẫn đánh giá thấp đối với tiêu chí “Thiết bị phòng học hỗ trợ việc học của sinh viên”, “Thiết bị phòng thực hành hỗ trợ việc học của sinh viên”, giá trị trung bình lần lượt là 3.83 và 3.71 so với các tiêu chí khác trong nhóm.

Tất cả các tiêu chí còn lại trong nhóm “Công tác tổ chức và quản lý đào tạo” bao gồm “Dữ liệu khoa học tại thư viện được cập nhật, dễ dàng truy cập và tra cứu”, “Thư viện có đủ tài liệu tham khảo cho hầu hết các môn học”, “Cố vấn học tập quan tâm, hợp tác, quản lý sinh viên tốt”, “Cán bộ các phòng ban có thái độ phục vụ sinh viên tốt”,

“Sinh viên được khuyến khích và tạo điều kiện khi tham gia nghiên cứu khoa học” đều được sinh viên đánh giá cao. Đa phần tỷ lệ sinh viên đánh giá trên 75 % rất đồng ý và đồng ý.

2.2.5. Sinh hoạt và đời sống

Bảng 7. Kết quả đánh giá của sinh viên đối với Sinh hoạt và đời sống

Nội dung đánh giá	Tỷ lệ đồng ý và rất đồng ý (%)	Giá trị trung bình
Giải quyết đầy đủ những chính sách xã hội của sinh viên	83.0	3.93
Các hoạt động Đoàn, hội bổ ích và có ý nghĩa thiết thực, thu hút sinh viên tham gia	85.4	4.04
Các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao đáp ứng nhu cầu của sinh viên	86.7	4.07
Sinh viên được chăm sóc sức khỏe trong thời gian học tại Khoa	69.2	3.86
Cảnh quan vệ sinh môi trường	86.3	4.03

(Nguồn: Điều tra xử lý số liệu năm 2020)

Đối với nhóm tiêu chí “Sinh hoạt và đời sống”, được sinh viên đánh giá cao. Chỉ có tiêu chí “Sinh viên được chăm sóc sức khỏe trong thời gian học tại Khoa” thấp nhất trong nhóm, điểm trung bình lần lượt là 3.86, với tỷ lệ đồng ý và rất đồng ý chỉ có 69.2%.

2.2.6. Kết quả đạt được từ khoá học

Bảng 8. Kết quả đánh giá của sinh viên đối với Kết quả đạt được từ khoá học

Nội dung đánh giá	Tỷ lệ đồng ý và rất đồng ý (%)	Giá trị trung bình
Cung cấp những kiến thức cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp	77.7	3.86
Đáp ứng được các mục tiêu đào tạo của ngành	78.9	3.88
Phát triển kỹ năng tư duy, nghiên cứu, sáng tạo	81.7	3.93
Phát triển kỹ năng làm việc theo nhóm	91.9	4.15
Phát triển kỹ năng giải quyết vấn đề, xử lý thông tin	86.6	4.05
Phát triển kỹ năng giao tiếp	84.7	4.03
Phát triển kỹ năng sử dụng ngoại ngữ	56.3	3.60
Phát triển kỹ năng sử dụng tin học	60.4	3.62
Giúp định hướng nghề nghiệp trong tương lai	72.9	3.81

SV tự tin về khả năng đáp ứng các yêu cầu nghề nghiệp sau khi hoàn thành khóa học	69.2	3.81
---	------	------

(Nguồn: Điều tra xử lý số liệu năm 2020)

Từ kết quả bảng khảo sát ở trên, ta thấy một số tiêu chí nằm trong nhóm “Kết quả đạt được từ khoá học” có giá trị trung bình rất cao. Cụ thể, tiêu chí “Phát triển kỹ năng làm việc theo nhóm” có giá trị trung bình cao nhất 4.15, tỷ lệ sinh viên đánh giá rất đồng ý và đồng ý chiếm 91.9%.

Tiếp đến, tiêu chí “Phát triển kỹ năng giải quyết vấn đề, xử lý thông tin” có giá trị trung bình 4.05, với 86.6% đánh giá rất đồng ý và đồng ý. Kế tiếp là tiêu chí “Phát triển kỹ năng giao tiếp” giá trị trung bình là 4.03, tương ứng với 84.7% tỷ lệ rất đồng ý và đồng ý.

Tiêu chí được đánh giá thấp nhất là “Phát triển kỹ năng sử dụng tin học” với giá trị trung bình 3.62 và tiêu chí “Phát triển kỹ năng sử dụng ngoại ngữ” giá trị trung bình là 3.60. Trong đó, tỷ lệ rất đồng ý và đồng ý cho hai tiêu chí lần lượt là 60.4% và 56.3%.

*Ngoài ra, điều tra 04 câu hỏi mở như sau:

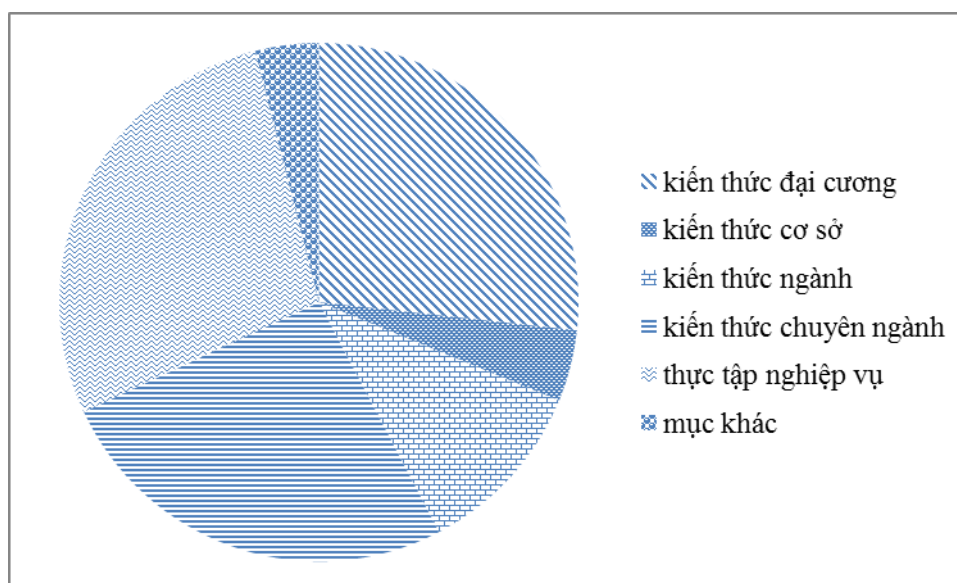
Câu hỏi 1: Với sự phân bổ chương trình có phần nào còn chưa hợp lý?

Câu hỏi 2: Theo Anh/chị những môn học nào trong chương trình đào tạo không cần thiết?

Câu hỏi 3: Theo Anh/chị những môn học nào trong chương trình đào tạo cần bổ sung thêm thời lượng?

Câu hỏi 4: Theo Anh/chị những môn học, chuyên đề hoặc kỹ năng nào cần được bổ sung thêm vào chương trình đào tạo?

Thống kê khảo sát sự hợp lý của phân bổ chương trình cho kết quả như sau:



Hình 1. Biểu đồ phân bố chương trình đào tạo còn chưa hợp lý

Qua hình 1 ở trên, cho thấy phần “thực tập nghiệp vụ” được nhiều sinh viên đánh giá là chưa hợp lý với 28%. Tiếp đến, phần “kiến thức đại cương” cũng được phần lớn sinh viên đánh giá phân bố chưa hợp lý với 26.7%. Và phần “kiến thức chuyên ngành” sinh viên đánh giá 25.7% phân bố chưa hợp lý.

3. Kết luận và kiến nghị

3.1. Kết luận

- Từ những kết quả đã được phân tích, sinh viên các ngành khác nhau có ý kiến đánh giá khác nhau về chuẩn đầu ra và cấu trúc chương trình đào tạo.

Trong nhóm chuẩn đầu ra chương trình đào tạo, sinh viên ngành Kinh tế đánh giá hai tiêu chí “Các môn học trong CTĐT đều góp phần vào việc đạt chuẩn đầu ra” và “Chuẩn đầu ra của CTĐT phản ánh được sứ mạng, tầm nhìn của Khoa” khá thấp.

Trong nhóm cấu trúc chương trình đào tạo, sinh viên ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành đánh giá thấp tiêu chí “Tỷ lệ phân bổ giữa lý thuyết và thực hành là hợp lý”. Đối với chương trình đào tạo ngành Quản trị kinh doanh và ngành Kinh tế, sinh viên cho rằng “Số lượng môn học tự chọn của CTĐT đáp ứng mong đợi của sinh viên” thấp nhất trong nhóm tiêu chí.

- Về cơ sở vật chất, sinh viên đánh giá thấp đối với tiêu chí “Thiết bị phòng thực hành hỗ trợ việc học của sinh viên”.

- Trong nhóm tiêu chí “Sinh hoạt và đời sống”, tiêu chí “Sinh viên được chăm sóc sức khỏe trong thời gian học tại Khoa” đánh giá thấp nhất so với các tiêu chí cùng nhóm.

- Các tiêu chí nằm trong nhóm “Kết quả đạt được từ khoá học” hầu như đều được sinh viên đánh giá khá cao. Tuy nhiên, hai tiêu chí “Khoá học giúp Anh/chị phát triển kỹ năng sử dụng ngoại ngữ” và “Khoá học giúp Anh/chị phát triển kỹ năng sử dụng tin học” khá thấp so với các tiêu chí còn lại.

- Nhiều sinh viên đánh giá “thực tập nghiệp vụ”, “kiến thức đại cương” và “kiến thức chuyên ngành” phân bố chưa hợp lý.

3.2. Kiến nghị

- Xem xét tăng cường các tín chỉ thực tập thực tế tại các doanh nghiệp.

- Xen kẽ các học phần liên quan đến ngành và chuyên ngành để tạo hứng thú học cho sinh viên. Bên cạnh đó, Khoa xem xét vấn đề giảm số tín chỉ, học phần không liên quan đến ngành đào tạo ở phần đại cương và tăng số tín chỉ cho thực tập nghiệp vụ tại doanh nghiệp nhiều hơn nữa.

- Đầu tư hơn nữa cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy như mua sắm thêm máy tính phục vụ SV thực hành; trang bị thêm các dụng cụ, máy móc vật tư phục vụ cho thực hành.

- Khoa cũng cần đổi mới các hình thức đào tạo, tăng cường các chương trình ngoại khóa nhằm phát triển các năng lực xã hội như hợp tác, giải quyết vấn đề, năng lực giao tiếp,... cho sinh viên trong quá trình đào tạo tại nhà trường.

Nơi nhận:

- Các Bộ môn;
- Tổ Đào tạo - CTSV;
- Lưu: VT, KDL. LTPU.

KHOA TRƯỞNG

(Đã ký)

Trần Hữu Tuấn